

Số: **113** /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày **26** tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu  
đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 386/2012/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 265/2014/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý, khai thác và vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 31/TTTr-TNMT ngày 20/01/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh) với nội dung sau:

1. Mục tiêu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Đáp ứng nguyên liệu đất đắp nền, san lấp mặt bằng các dự án xây dựng công trình, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

2. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch:

a) Bổ sung 18 khu vực vào Quy hoạch vùng nguyên liệu đất làm vật liệu san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 với tổng diện tích 758.000 m<sup>2</sup>, tài nguyên dự báo 8.655.000 m<sup>3</sup> (chi tiết theo Phụ lục 1 gửi kèm).

b) Điều chỉnh mở rộng diện tích điểm quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng tại khu Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang từ 20.000 m<sup>2</sup> lên 35.000 m<sup>2</sup> (chi tiết theo Phụ lục 2 gửi kèm).

3. Các nội dung khác: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

**Điều 2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Công khai vị trí, tọa độ khu đất san lấp mặt bằng được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Sở; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định.

2. Phối hợp với UBND cấp huyện có liên quan bàn giao các khu đất san lấp mặt bằng đã điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tại thực địa cho chính quyền địa phương để quản lý, bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập hồ sơ khai thác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Việt Yên, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn, Lạng Giang; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + L&DVP, CN, MT;
  - + Lưu: VT, TN. Thắng.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**




Đại Thanh Sơn


**PHỤ LỤC KHU VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU SẢN LẬP MẶT BẰNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-UBND ngày 26 /01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*



STT	Địa điểm	Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 <sup>o</sup> , múi 6 <sup>o</sup> )		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )		
<b>I</b>	<b>Huyện Lục Nam (10 khu vực)</b>							
1	Khu đồi Tròn (Hố Lầy), thôn Bình An, xã Huyền Sơn	2350 341	645 345	Đất rừng sản xuất	50.000	750.000	Khai thác	2016-2020
2	Khu Đâu Voi, thôn Bình An, xã Huyền Sơn	2350 317	644 413	Đất rừng sản xuất	30.000	450.000	Khai thác	2016-2020
3	Khu vực Hồ Dừng thuộc rừng Hùng, thôn Tông Lệnh 2, xã Trương Giang	2359 985	654 590	Đất rừng sản xuất	50.000	1.000.000	Khai thác	2016-2020
4	Khu vực đồi Hồ Biều (Đá Ngang), thôn Vườn, xã Cương Sơn	2356 400	649 900	Đất rừng sản xuất	70.000	1.050.000	Khai thác	2016-2020
5	Khu rừng Đèo, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn	2363 539	636 598	Đất rừng sản xuất	50.000	600.000	Khai thác	2016-2020
6	Khu rừng Quan, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn	2363 595	636 826	Đất rừng sản xuất	50.000	750.000	Khai thác	2016-2020

STT		Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi 6 <sup>0</sup> )		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )		
7	Khu vực Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn	2354 675	649 100	Đất rừng sản xuất	80.000	640.000	Khai thác	2016-2020
8	Khu vực Hồ Thông và hòn Bu Lu, thôn Hồ Chúc, xã Cẩm Lý	2344 260	641 453	Đất rừng sản xuất	70.000	700.000	Khai thác	2016-2020
9	Khu rừng Sim, thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha	2359 636	648 191	Đất rừng sản xuất	30.000	150.000	Khai thác	2016-2020
10	Khu vực rừng Làng, thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu	2354 258	638 880	Đất rừng sản xuất	10.000	100.000	Khai thác	2016-2020
<b>II</b>	<b>Huyện Việt Yên (02 khu vực)</b>							
1	Khu vực núi Liên, thôn Kẹm, xã Minh Đức	2357 785	614 784	Đất rừng sản xuất	10.000	100.000	Khai thác	2016-2020
2	Khu vực Núi Bế, thôn 1, xã Việt Tiến	2359 907	607 397	Đất rừng sản xuất	10.000	75.000	Khai thác	2016-2020
<b>III</b>	<b>Huyện Yên Thế (01 khu vực)</b>							
1	Khu vực thôn Thái Hà, xã Đồng Hưu	2376 601	622 218	Đất rừng sản xuất	30.000	180.000	Khai thác	2016-2020

STT		Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi 6 <sup>0</sup> )		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )		
<b>IV</b>	<b>Huyện Lạc Ngạn (02 khu vực)</b>							2016-2020
1	Thôn Biêng, xã Nam Dương	2359 116	600 748	Đất rừng sản xuất	30.000	300.000	Khai thác	2016-2020
2	Thôn Khả Lã 2, xã Tân Lập	2362 302	667 810	Đất rừng sản xuất	40.000	360.000	Khai thác	2016-2020
<b>V</b>	<b>Huyện Lạng Giang (03 khu vực)</b>							
1	Khu vực Rừng Giếng, thôn Hố Vầu, xã Tân Hưng	2364 005	635 563	Đất rừng sản xuất	30.000	250.000	Khai thác	2016-2020
2	Khu vực Đồi Núi, thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm	2358 319	631 480	Đất rừng sản xuất	70.000	700.000	Khai thác	2016-2020
3	Khu vực Rừng Cẩm, thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm	2359 662	632 190	Đất rừng sản xuất	48.000	500.000	Khai thác	2016-2020

**PHỤ LỤC 2: KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐẤT SAN LẤP MẶT BẰNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020**



*(Kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-UBND ngày 26 /01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (theo Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012)				Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (sau khi điều chỉnh)				Ghi chú		
Địa điểm quy hoạch	Tọa độ trung tâm		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )	Địa điểm quy hoạch	Tọa độ trung tâm			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tài nguyên dự báo (m <sup>3</sup> )
	X (m)	Y (m)				X (m)	Y (m)			
Khu Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	2358 222	633 178	20.000	240.000	Khu Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	2358 314	633 149	35.000	450.000	Mở rộng thêm 1,5ha đất rừng sản xuất về phía Bắc, tiếp giáp với ranh giới khu vực mở của Công ty TNHH xây dựng 899 (trước đó, Công ty TNHH xây dựng 899 đã được Chủ tịch UBND tỉnh cho phép khai thác đất tại khu Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm trong diện tích 2ha tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 05/12/2014)